



# GIẢI KHUYẾN-HỌC KỲ XXIII-2011 TÀI LIỆU HỌC THI TIỂU HỌC 2



Quý vị phụ huynh, thầy cô và các em có thể in ra hoặc tải xuống máy vi tính để làm tài liệu học thi năm nay.

# **GIẢI KHUYẾN-HỌC KỲ XXIII-2011**

## **CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT**

### **TIỂU HỌC 2**

#### **I-VẤN:**

##### **A-Tục ngữ, ca dao:**

Gồm 3 câu tục ngữ và 3 bài ca dao (có 1 bài gồm 4 câu.) **Học thuộc và hiểu nghĩa**

##### **B-Ngữ vựng:**

Học một số ngữ vựng thông thường, gần gũi hàng ngày, giới hạn trong chủ đề dưới đây:

1-Gia đình, ông bà (nội, ngoại), chú, bác, cô, dì, cậu, mợ, dượng, thím.

2-Cơ thể con người, các phần chính bên ngoài (không chi tiết)

3-Màu sắc (màu chính, đậm nhạt) và hương vị (thông thường)

4-Động từ thông dụng:

\*Động từ thông thường hằng ngày

\*Động từ thích hợp cho mỗi loài

5-Một số trái cây thông thường và một số loại hoa các em thường thấy trong đời sống hàng ngày.

6- các loại động vật các em thường gặp trong sinh hoạt hằng ngày và các bộ phận quan trọng của chúng.

##### **C-Từ đồng nghĩa, phản nghĩa:**

1-Đồng nghĩa: học 4 từ đơn

2-Phản nghĩa: học 4 từ đơn

##### **D- Học thuộc lòng:**

Học thuộc lòng 2 bài ngắn và hiểu nghĩa

##### **E- tập đặt câu:**

Tập đặt câu với những từ cho sẵn (4 từ)

#### **II-LỊCH SỬ:**

1-Con rồng cháu tiên

2-Sự tích quả dưa hấu

3-Sự tích bánh dày bánh chưng

**III-ĐỊA LÝ:**

1- Hình thể nước Việt Nam và các lân bang (có bản đồ)

2- Tên các thành phố lớn của 3 miền: Bắc, Trung, Nam

**GIẢI KHUYẾN-HỌC KỲ XXIII-2011**  
**TÀI LIỆU HỌC THI**  
**TIỂU HỌC 2**

**I. VĂN:**

**A. Tục ngữ, ca dao:**

**1. Tục ngữ:**

- a- Chọn bạn mà chơi.
- b- Kiến tha lâu đầy tổ.
- c- Đi một ngày đàng, học một sàng khôn

**Câu hỏi gợi ý:**

- 1- Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa của câu tục ngữ sau:  
“Kiến tha lâu .....”
- 2-Câu “chọn bạn mà chơi” khuyên ta điều gì?

**2. Ca dao:**

- a. Nhiều điều phủ lấy giá gương,  
Người trong một nước phải thương nhau cùng.
- b. Một cây làm chẳng nên non,  
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.
- c. Công cha như núi Thái Sơn,  
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.  
Một lòng thờ mẹ kính cha,  
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

**Câu hỏi gợi ý:**

1. Câu ca dao nào nói đến tình thương yêu đồng bào, chủng tộc?
2. Câu ca dao nào khuyên chúng ta nên đoàn kết để tạo sức mạnh và thành công?

**B. Ngữ vựng:**

**1. Gia đình, họ hàng, nội, ngoại:**

- a. Ông, bà (nội, ngoại), bác, chú, cô, cậu, dì, thím, mợ, dượng.
- b. Ba (bố, cha), má (mẹ), anh, chị, em.

**Câu hỏi gợi ý:**

1. Ông bà nội là gì đối với ba?
2. Anh chị em họ có liên hệ gì với ông bà nội, ngoại?

**2. Cơ thể con người – đầu, mình, tay chân**

**a. Đầu:**

- Sọ, tóc, xoáy, trán, thái dương (màng tang), gáy (ót)..
- Tai, má, mắt, mũi, miệng (mồm), cằm.
- Cổ

**Câu hỏi gợi ý:**

1. Xoáy là gì ?
2. Cằm nằm ở đâu

**b. Thân mình:**

- Vai, nách.
- Lung, ngực, bụng, rốn.

**Câu hỏi gợi ý:**

1. Ngực ở phía sau hay trước của người?
2. Sắp theo thứ tự từ trên xuống dưới: “ngực, vai, bụng, nách”?

**c. Tay chân:**

- Tay, cánh tay, khuỷu tay (cùi chỏ), cổ tay, bàn tay, lòng bàn tay, ngón tay, mu bàn tay, cánh tay trong, cánh tay ngoài.
- Chân, đùi (bắp đùi), đầu gối, ống chân, bắp chân, mắt cá, bàn chân, ngón chân.

**Câu hỏi gợi ý:**

1. Lòng bàn tay co khác với mu bàn tay không?
2. Khuỷu tay còn được gọi là gì?
3. sắp thứ tự “bàn chân,đùi,đầu gối, mắt cá”

**3. Màu sắc, hương vị:**

**a. Màu sắc:**

- Đỏ, cam, vàng, xanh lá cây, xanh dương, hồng, tím, trắng, đen

**b. Hương vị:**

- Cay, đắng, ngọt, bùi, chua, mặn, thơm, thúi (thối), hôi, tanh.

**Câu hỏi gợi ý:**

1. Trái chanh có vị gì?
2. Lá cây vào mùa thu thường có màu gì?

**4. Động từ thông dụng:**

**a. Động từ thích hợp cho mỗi nghề, mỗi việc:**

- Họa sĩ: vẽ
- Dược sĩ: bán thuốc, chế thuốc.
- Nha sĩ: nhổ răng, trám răng.
- Bác sĩ: khám bệnh, chữa bệnh.
- Y tá: chăm sóc (bệnh nhân)
- Tài xế: lái xe.
- Thầy, cô giáo: dạy học, giảng bài, soạn bài, chấm điểm.

**Câu hỏi gợi ý:**

Chọn từ ngữ thích hợp để điền vào chỗ trống của câu:

1. Người y tá thường vất vả vì phải..... bệnh nhân.
2. Họa sĩ này đã vẽ những..... đẹp.

**b. Động từ thích hợp cho mỗi loài:**

- Chó: sủa, cắn.
- Chim: hót, bay, lượn.
- Mèo: bắt chuột, cào.
- Gà: gáy, mổ thức ăn.
- Muỗi: chích.
- Thỏ: nhảy.
- Chuột: gặm.

**c. Động từ thông thường hằng ngày:**

- Chạy, nhảy, đi, đứng, ngồi, nằm, quỳ, bò, leo trèo.
- Ăn, uống, tắm, rửa, lau chùi, quét.
- Nói, đọc, viết, vẽ, tô màu, học bài, làm bài.

**5. Tên một số trái cây thông thường và một số hoa các em thường thấy**

**a. Các loại trái cây:**

- Cam, nho, táo, chuối, lê, đào, mận, dưa hấu, xoài, ổi, mít, sầu riêng.

**b. Các loại hoa :**

- Hoa hồng, hoa cúc, hoa đào, hoa mai, hoa lan, hoa giấy.

**Câu hỏi gợi ý:**

1. Cho biết trái nho thường có màu gì?
2. Em có thích ăn sầu riêng không? Tại sao?
3. Nhà em thường chưng hoa gì trong ngày tết?

**6. Các loại động vật và các bộ phận của chúng:**

**a. Các loại động vật:**

- Gia súc: chó, mèo, dê, ...
- Gia cầm: gà, vịt, ngỗng.
- Vài loại côn trùng thường gặp: ruồi, muỗi, sâu, kiến, ong, bướm, nhện.
- Thú rừng: sư tử, cọp (hổ), beo (báo), voi, gấu, nai, sóc, thỏ, rắn, chim, rùa.

**b. Tên các bộ phận:**

- Lông, sừng, vòi, mỏ, mõm, mào, bờm, cánh, đuôi.

**C. Từ đồng nghĩa, phản nghĩa:**

**1. Đồng nghĩa:**

- Ca = hát.
- Hoa = bông.
- Nhìn = thấy, xem, coi.
- Té = ngã

**2. Phản nghĩa:**

- Ngày / đêm.
- cao / thấp
- Trên / dưới.
- Vui / buồn

**D. Học thuộc lòng:**

**1-Thầy Khuyên**

Năm nay em học lớp hai,  
Theo thời-khóa-biểu nhiều bài lắm cơ.  
Thầy khuyên: “Đang lúc tuổi thơ,  
Các con đừng để ngày giờ trôi qua.  
Mai sau giúp nước, giúp nhà!  
Phải chăm, phải cố mới là trò ngoan.”

**Câu hỏi gợi ý:**

1. Trong bài, em học lớp mấy?, bài vở nhiều hay ít?
2. Thầy khuyên các em điều gì?

## 2. Em vui sướng

Em vui sướng biết hai ngôn ngữ,  
Chữ nước người và chữ nước ta.  
Tiếng Việt sử dụng ở nhà,  
Mẹ cha khen giỏi ông bà khen ngoan.

(Nguyễn Hữu Bào)

### Câu hỏi gợi ý:

1. Tại sao em lại vui sướng?
2. Tiếng Việt được sử dụng tại đâu?

### E. Tập đặt câu:

Tập đặt câu với những từ cho sẵn.

## II. LỊCH SỬ:

### 1. Con Rồng Cháu Tiên:

Theo tục truyền thì vua Đế Minh cháu 3 đời vua Thần Nông đi tuần ở miền núi Ngũ Lĩnh gặp nàng Vụ Tiên lấy nhau sinh ra Lộc Tục hiệu là Kinh Dương Vương.

Một hôm Kinh Dương Vương dạo chơi trên hồ Động Đình gặp nàng Long Nữ, lấy nhau và sinh ra Sùng Lãm hiệu là Lạc Long Quân. Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ sinh ra một bọc có 100 trứng nở ra 100 người con. Vì Lạc Long Quân thích ở vùng biển, còn bà Âu Cơ thích ở vùng núi, cho nên một hôm Lạc Long Quân gọi bà Âu Cơ lại bảo rằng: “Ta là giống Rồng, còn nàng là giống Tiên, chúng ta ăn ở với nhau lâu dài không được. Nay ta chia cho nàng 50 đứa đem lên núi, còn 50 đứa sẽ theo ta xuống biển”.

Sau khi chia tay, Lạc Long Quân phong cho người con trưởng làm vua nước ta tức là vua Hùng Vương thứ nhất, đặt tên nước là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu (nay là tỉnh Vĩnh Phú) và truyền được 18 đời. Qua sự tích này, người Việt tự hào là con Rồng cháu Tiên và hàng năm cứ đến ngày 10 tháng 3 âm lịch là ngày lễ giỗ tổ Hùng Vương.

### Câu hỏi gợi ý:

1. Khi chia tay với Âu Cơ, bao nhiêu người con đi theo Lạc Long Quân?
2. Tên đầu tiên của nước ta gọi là gì? Đóng đô ở đâu?

### 2. Sự tích quả Dưa Hấu:

Vào đời vua Hùng Vương thứ 10, có người con nuôi tên là An Tiêm rất giỏi và thông minh. Lớn lên, vua cưới vợ và phong làm quan, rất giàu sang, sung sướng. An Tiêm nói với bạn bè rằng tự mình làm nên sự nghiệp chớ không nhờ vả ai. Nhà vua nghe được nổi giận bắt đày vợ chồng An Tiêm ra hoang đảo. Một hôm có một con chim bay ngang qua làm rớt một hột màu đen xuống đảo. Hột ấy mọc lên một dây có trái to, da xanh mướt. An Tiêm bỏ ra ăn thử, thì thấy trong ruột màu đỏ và có nước ngọt, ăn rất ngon nên lấy hột đen giao khắp nơi trên đảo.

Chẳng bao lâu có thuyền buôn tới mua dưa. An Tiêm lựa một trái thật to nhờ người gởi về tặng vua cha. Nhà vua hết giận và truyền lệnh rước vợ chồng An Tiêm về. An Tiêm đem theo giống dưa đỏ về xứ trồng gọi là dưa Hấu.

### Câu hỏi gợi ý:

1. Sự tích quả dưa hấu có vào thời vua nào?
2. Tại sao nhà vua lại nổi giận đày An Tiêm ra hoang đảo?

### **3. Sự tích bánh dày, bánh chưng**

Vào dịp đầu xuân, vua Hùng Vương thứ 6 họp các con lại bảo rằng: “Người nào tìm được món ăn ngon và quý để cúng tổ tiên thì sẽ được ta truyền ngôi.”

Các người con lớn đua nhau đi tìm của ngon vật lạ, chỉ có người con út tên là Tiết Liêu, tính tình hiền lành, mẹ lại mất sớm nên không có ai giúp đỡ, không biết làm thế nào nên ngày đêm lo lắng. Một hôm Tiết Liêu nằm mộng thấy vị thần hiện đến bảo rằng: “Con hãy lấy gạo nếp làm một cái bánh hình tròn tượng trưng cho Trời gọi là bánh dày và một cái bánh hình vuông tượng trưng cho Đất gọi là bánh chưng, đem dâng cúng tổ tiên để đền đáp công lao tổ tiên, cha mẹ quý như trời đất”.

Đến kỳ hẹn, Tiết Liêu đem dâng cho vua cha. Nhà vua lấy làm lạ bèn hỏi ý nghĩa, Tiết Liêu tâu rõ đầu đuôi. Vua ăn bánh thấy thơm ngon bèn truyền ngôi cho Tiết Liêu. Từ đó dân ta có tục làm bánh dày, bánh chưng để cúng tổ tiên trong dịp Tết.

#### **Câu hỏi gợi ý:**

1. Sự tích bánh dày, bánh chưng có ý nghĩa gì?
2. Tại sao vua đã truyền ngôi cho Tiết Liêu?

### **III. ĐỊA LÝ**

#### **1. Hình thể nước Việt Nam, các nước giáp giới.**

Nước Việt Nam thuộc vùng Đông Nam Châu Á, hình thể cong như chữ S, trải dài từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau. Phía Bắc giáp nước Trung Hoa, phía Tây giáp nước Ai Lao và Cam Bốt, phía Đông giáp Biển Đông thuộc Thái Bình Dương và phía Nam giáp vịnh Thái Lan. Nước Việt Nam chia làm 3 miền: miền Bắc, miền Trung và miền Nam.

Diện tích nước Việt Nam khoảng 330,000 km<sup>2</sup>, ước chừng bằng 4/5 diện tích tiểu bang California.

#### **Câu hỏi gợi ý:**

1. Nước Việt Nam thuộc vùng nào? Hình chữ gì?
2. Phía Đông giáp vùng nào?

#### **2. Tên các thành phố lớn của ba miền:**

- \* Miền Bắc: có Hà Nội, Hải Phòng và Nam Định.
- \* Miền Trung: có thành phố Huế, Đà Nẵng và Nha Trang.
- \* Miền Nam: có Sài Gòn, Cần Thơ và Biên Hoà.

3. **Bản Đồ Việt nam:** Có các đảo Côn Sơn, Phú Quốc, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

#### **Tài Liệu Tham Khảo:**

1. Quốc Sử Việt Nam – Phạm Văn Trọng và Huỳnh Văn Đô.
2. Việt Sử Toàn Thư từ Thượng Cổ đến Hiện Đại – Phạm Văn Sơn.
3. Địa Lý Việt Nam – Nguyễn Khắc Ngữ và Phạm Đình Tiếu.
4. Thi Ca bình dân – nhà Xuất Bản Xuân Thu.